

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Hội đồng tuyển sinh

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2025

Ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 8 14 01 14

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Giáo dục học	Khoa học quản lý			
1	QL001	Nguyễn Kiều Anh	30/4/1998	8.0	7.25	15.25	30.0	
2	QL002	Nguyễn Ngọc Anh	08/11/1997	8.0	5.75	13.75	29.5	
3	QL003	Phạm Thị Lan Anh	06/9/2000	8.0	6.25	14.25	29.0	
4	QL004	Trần Thị Vân Anh	17/7/1987	7.5	7.0	14.50	28.5	
5	QL005	Trần Thị Ngọc Bích	02/12/1977	7.5	6.25	13.75		Miễn TA
6	QL006	Trần Thị Thái Hà	16/9/1985	7.0	7.25	14.25	30.0	
7	QL007	Vũ Thị Hải	04/4/1981	6.5	6.25	12.75	27.0	
8	QL008	Nguyễn Thị Hạnh	04/10/1980	7.5	7.0	14.50	29.0	
9	QL009	Trần Thị Hằng	19/10/1983	6.5	7.0	13.50	30.0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Giáo dục học	Khoa học quản lý			
10	QL010	Ngô Thị Thu Hiền	14/11/1982	7.5	6.5	14.00	29.0	
11	QL011	Lê Minh Hòa	29/9/1996	7.0	6.25	13.25	29.5	
12	QL012	Đặng Thị Thanh Huyền	23/3/1984	7.5	8.25	15.75		Miễn TA
13	QL013	Ngô Thị Huyền	20/6/1989	7.0	6.25	13.25		
14	QL014	Nguyễn Khánh Huyền	06/5/1999	6.5	6.0	12.50	29.0	
15	QL015	Nguyễn Thu Huyền	02/02/1983	8.0	6.5	14.50	29.0	
16	QL016	Nguyễn Thị Hường	10/7/1986	8.0	5.75	13.75	28.0	
17	QL017	Tổng Thị Lan	23/7/1979	8.5	7.0	15.50	27.0	
18	QL018	Vũ Thị Thùy Liên	11/8/1981	7.5	7.0	14.50	28.0	
19	QL019	Ngô Ngọc Linh	03/9/1994	8.5	7.0	15.50	29.0	
20	QL020	Nguyễn Phương Linh	01/11/1999	7.5	6.5	14.00	31.0	

28

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Giáo dục học	Khoa học quản lý			
21	QL021	Nguyễn Thị Loan	14/7/1986	7.5	6.5	14.00	27.5	
22	QL022	Nguyễn Tất Lượng	31/7/1977	7.0	6.5	13.50	29.5	
23	QL023	Nguyễn Phương Nga	20/8/1997	7.5	6.25	13.75	32.0	
24	QL024	Nguyễn Thị Ngà	23/3/1984	8.0	6.5	14.50	28.5	
25	QL025	Nguyễn Thị Ngân	11/6/1981	7.0	5.75	12.75	27.0	
26	QL026	Bạch Hồng Ngọc	10/02/1998	7.0	6.25	13.25	28.5	
27	QL027	Giang Thị Thanh Nhân	11/12/1980	8.0	7.5	15.50	26.5	
28	QL028	Nguyễn Minh Nhật	19/11/1996	8.0	5.0	13.00		Miễn TA
29	QL029	Nguyễn Thị Nhung	12/4/1993	8.0	6.0	14.00	27.5	
30	QL030	Phan Thị Kim Oanh	14/3/2001	7.5	7.25	14.75	29.0	
31	QL031	Triệu Phan Phương	06/12/1984	8.0	7.0	15.0	27.0	

98

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Giáo dục học	Khoa học quản lý			
32	QL032	Lê Thị Phụng	16/7/1989	8.0	6.25	14.25	28.0	
33	QL033	Nguyễn Xuân Quang	29/9/1996					Miễn TA, Bỏ thi
34	QL034	Hồ Phương Thảo	30/8/1992	7.0	6.5	13.5	28.5	
35	QL035	Lê Thị Thảo	28/10/1992	8.0	6.75	14.75	32.5	
36	QL036	Nguyễn Thị Phương Thảo	26/11/1998	7.0	7.25	14.25	28.0	
37	QL037	Đỗ Thị Thu	18/7/1987	7.5	7.0	14.5	28.5	
38	QL038	Nguyễn Ngọc Thủy	26/01/1992					Bỏ thi
39	QL039	Trần Ngọc Thủy	11/10/1987	8.0	5.0	13.0	29.5	
40	QL040	Cam Mỹ Trang	12/8/1991	8.0	8.25	16.25	29.5	
41	QL041	Lê Thị Thu Trang	23/11/2001	8.0	7.5	15.50		Miễn TA
42	QL042	Nguyễn Huyền Trang	25/10/1997	8.0	8.0	16.0	35.0	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Kết quả thi môn		Điểm tổng hợp 2 môn (đã gồm điểm ưu tiên)	Môn Tiếng Anh	Ghi chú
				Giáo dục học	Khoa học quản lý			
43	QL043	Trần Thị Thu Trang	20/6/1986	8.0	8.25	16.25	28.5	
44	QL044	Lê Thị Tuấn	09/12/1993	7.5	7.0	14.5	30.0	
45	QL045	Nguyễn Xuân Tùng	04/7/1992	7.5	7.0	14.5		Miễn TA
46	QL046	Nguyễn Hải Yến	26/6/1997	7.0	7.5	14.5		Miễn TA
47	QL047	Nguyễn Thị Yên	25/10/1992	8.0	7.25	15.25	25.5	

Danh sách gồm: 47 thí sinh

Người đọc điểm: Nguyễn Mạnh Cường

Người ghi điểm: Lương Thị Minh Phương

Người kiểm soát: Hoàng Thị Kim Huệ

NGƯỜI LẬP BẢNG



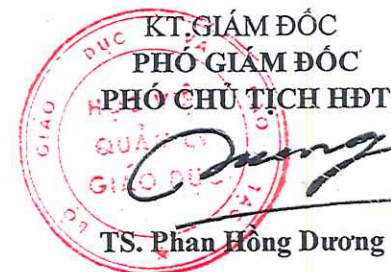
ThS. Lương Minh Phương

UVTT HỘI ĐỒNG THI



TS. Hoàng Thị Kim Huệ

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
PHÓ CHỦ TỊCH HĐT**



TS. Phan Hồng Dương